

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mến

2. Bà Trần Thị Tuyết Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 05 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXXST-DS, ngày 24/6/2021; ; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/QĐST-DS, ngày 13/7/2021, Thông báo dời phiên tòa số 59/TB-TA, ngày 02/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thái T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông **Bùi Văn V** sinh năm 1985. (Vắng mặt).

- Con chung trên 07 tuổi: Cháu **Bùi Vi V**, sinh ngày 23/5/2014.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2021, nguyên đơn bà Trương Thái T trình bày:*

Bà Trương Thái T và ông Bùi Văn V kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2014 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 06 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, nên vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên **Bùi Vi V**, sinh ngày 23/5/2014 và **Bùi Tiên T**, sinh ngày 01/8/2018 đang sống với bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **Bùi Văn V**. Về con chung: Bà

Trương Thái T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Vi V, sinh ngày 23/5/2014 và Bùi Tiến T, sinh ngày 01/8/2018 đến đủ 18 tuổi, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Bùi Văn V thì sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về hôn nhân xử cho bà T được ly hôn với ông V, về con chung giao cho bà T được nuôi dưỡng hai con chung tên là tên Bùi Vi V, sinh ngày 23/5/2014 và Bùi Tiến T, sinh ngày 01/8/2018, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con, danh quyền thăm nom, chăm sóc con cho ông V không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn bà T đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn thì sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn V vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T và ông V theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[2] *Về hôn nhân:*

Bà Trương Thái T và ông Bùi Văn V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và cuối cùng bà T và ông V đã sống ly thân cho tới nay.

[3] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông V và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã ly thân nhau thời gian dài nhưng nhưng không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà

T yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[4] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông V và bà T đã có với nhau có 02 con chung tên Bùi Văn V, sinh ngày 23/5/2014 và Bùi Tiến T, sinh ngày 01/8/2018, hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét thấy, các cháu hiện còn nhỏ, từ trước đến nay hai cháu sống chung với bà T, ông V không quan tâm chăm sóc gì đến con chung, nguyện vọng của cháu Triển cũng xin được sống với mẹ. Vì vậy cần tiếp tục để các cháu được sống chung với mẹ và giao hai cháu Văn và Triển cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử đối với nghĩa vụ cấp dưỡng của ông V.

[7] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[9] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thái T.

- *Về hôn nhân*: Bà Trương Thái T được ly hôn với ông Bùi Văn V.

- *Về con chung*: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung tên là Bùi Văn V, sinh ngày 23/5/2014 và Bùi Tiến T, sinh ngày 01/8/2018 đến 18 tuổi. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung cho ông V không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thái T phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008234, ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn V thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Tòa án tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

